

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **2626/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-12-2023

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Ông Nguyễn Thành Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 22/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 494/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4943/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 16443/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Phan D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 1 N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U), sinh năm 1972

Quốc tịch: Úc (A).

Địa chỉ: Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/8/2022 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đỗ Phan D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/10/1990 được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 541. Sau khi kết hôn, cuối tháng 10 năm 1990 bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) qua Úc (Australia) sinh sống và làm việc còn ông vẫn ở lại Việt Nam; ông và bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) đã mất liên lạc 32 năm. Nay nhận thấy thời gian xa cách đã

lâu, vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên ông đề nghị ly hôn với bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Đỗ Phan D khai không có.

Vì bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U), trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ: Tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Ô-xtrây-li-a (Australia) theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc ông khởi kiện yêu cầu ly hôn (văn bản ủy thác tư pháp số 899/TTTPDS-TA30 ngày 06/12/2022). Ngày 19/7/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản số 1412/BTP-PLQT ngày 03/7/2023; Theo đó, Tòa án tối cao của bang V, Ô-xtrây-li-a đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 26/4/2023 bằng phương thức tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Đỗ Phan D; Bị đơn bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Phan D, Hội đồng xét xử nhận thấy ông D và bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) hiện cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của ông Đỗ Phan D xin được ly hôn với bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U). Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo như ông D trình bày, sau khi kết hôn bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) trở về Úc (Australia) sinh sống làm việc; ông và bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) đã không liên lạc 32 năm. Do thời gian xa cách đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên ông D yêu cầu được ly hôn với bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U).

Về phía bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U), Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho bà theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà không có phản hồi, cũng không có mặt tại phiên tòa. Điều này cũng chứng tỏ là bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa.

Theo Luật Hôn nhân và Gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình. Trong khi vợ chồng ông D và bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) mỗi người ở một nơi, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không có hạnh phúc. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D được ly hôn bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U).

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Phan D khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông Đỗ Phan D được ly hôn bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Đỗ Phan D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về phí ủy thác tư pháp và các chi phí khác ông Đỗ Phan D chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Phan D và bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Phan D.

Quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Phan D được ly hôn bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U).

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Phan D chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) được căn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003164 ngày 12/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ.

3. Ông Đỗ Phan D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Khuru Thị Cẩm H (Khu U) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

